

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN L
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **95/2018/QĐST-HNGĐ**

Long Biên, ngày 23 tháng 3 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA
CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: **125/2018/TLST-HNGĐ** ngày 13/3/2018 giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Hồng G – Sinh năm: 1971
- *Bị đơn*: Anh Đặng Ngọc T – Sinh năm: 1968

HKTT: Số 163 N, phường N1, quận L, TP. Hà Nội.

Cùng địa chỉ: Số 37/67 N, Tổ 07 phường N1, quận L, TP. Hà Nội.

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày **15/3/2018**.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày **15/3/2018** là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn **07 (Bảy)** ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: **Chị Nguyễn Thị Hồng G và anh Đặng Ngọc T.**

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. *Về con chung:* Chị G và anh T cùng xác định có 02 (Hai) con chung là cháu Đặng Hoàng A – Sinh ngày: 29/8/1992 và cháu Đặng Duy H – Sinh ngày: 19/7/2005. Ly hôn, anh chị thống nhất thỏa thuận: Giao cháu H cho chị G trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, anh T tự nguyện đóng góp 2.000.000 đồng/tháng (Hai triệu đồng) kể từ tháng 04/2018 đến khi cháu H đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác thay thế. Còn cháu A do cháu đã trưởng thành trên 18 tuổi nên việc cháu ở với ai là quyền của cháu.

Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

2.2. *Về tài sản chung, nhà ở và công nợ:* Hai anh chị thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

2.3. *Về án phí:* Chị G và anh T mỗi người phải chịu 75.000 đồng (*Bảy mươi năm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, ngoài ra anh T còn phải chịu 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con. Ghi nhận sự tự nguyện của chị G chịu 75.000 đồng (*Bảy mươi năm nghìn đồng*) và 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí của anh T. Tổng cộng chị G phải 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí. Chị G đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền số 0138 ngày 13/3/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Long Biên, TP. Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận L;
- Chi cục thi hành án quận L;
- Ủy ban nhân dân phường N1, quận L, Hà Nội;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Thẩm phán

Vũ Thị Thu Hằng